TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2023
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M
TỈNH L

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Khánh Hội;

2/ Ông Lý Quốc Trưởng;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L; Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Từ Thanh Tr, sinh năm: 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Minh T, sinh năm: 1971 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Từ Thanh Tr trình bày như sau:

Bà Tr và ông T chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cải nhau do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải

quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế và tình cảm. Bà Tr xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Trịnh Tấn H, sinh ngày 21/01/1997 đã trưởng, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trịnh Trúc H, sinh ngày 03/8/2006. Khi ly hôn bà Tr đồng ý để ông T trực tiếp nuôi con chung Tr H và bà Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: không có.

Bị đơn, ông Trịnh Minh T tại biên bản hòa giải ngày 14/3/2023 trình bày: Ông T thống nhất với bà Tr về thời gian hai vợ chồng sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông T cho rằng không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng nếu bà Tr cương quyết ly hôn thì ông T cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông T xác định giữa ông và bà Tr có 02 con chung tên Trịnh Tấn H, sinh ngày 21/01/1997 đã trưởng, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trịnh Trúc H, sinh ngày 03/8/2006. Khi ly hôn ông T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Tr H và không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Từ Thanh Tr yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Minh T là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông Trịnh Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr và ông T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1993; Tuy bà Tr và ông T xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nhưng trong quá trình chung sống đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và

gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, với yêu cầu khởi kiện của bà Tr thì Tòa án áp dụng các Điều 9, 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận vợ chồng đối với bà Tr và ông T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về nuôi con chung: Bà Tr và ông T thống nhất có 02 con chung tên Trịnh Tấn H, sinh ngày 21/01/1997 đã trưởng, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trịnh Trúc H, sinh ngày 03/8/2006. Bà Tr và ông T thống nhất khi ly hôn con chung Trịnh Trúc H sẽ do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trúc H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Tr và ông T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Bà Tr và ông T thống nhất là không có nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà Từ Thanh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9; 14, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Từ Thanh Tr đối với ông Trịnh Minh T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Từ Thanh Tr và ông Trịnh Minh T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trịnh Trúc H, sinh ngày 03/8/2006 cho ông Trịnh Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Từ Thanh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ

đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Bà Từ Thanh Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010585, ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh L.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy Hồng